

Số: 893 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 24 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Bù Nho

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;



Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 29/TTr-SXD ngày 20/3/2025, Báo cáo kết quả thẩm định số 13/BC-SXD ngày 20/3/2025 và Công văn số 774/SXD-QHKT ngày 21/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Bù Nho với nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

1.1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển đô thị Bù Nho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2040 theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại; phù hợp quy hoạch, kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện Phú Riềng, của tỉnh Bình Phước. Xây dựng, cải tạo và nâng cấp đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, đảm bảo kiểm soát chất lượng môi trường, hài hòa, cân bằng giữa chỉnh trang các khu ở hiện hữu và phát triển đô thị mới.

- Chương trình phát triển đô thị Bù Nho đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị Bù Nho; đồng bộ với các định hướng, chiến lược, chương trình, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan đến phát triển đô thị; các chương trình, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực thực tế của địa phương.

1.2. Mục tiêu

- Phát triển đô thị Bù Nho bảo đảm đồng bộ, hài hòa có bản sắc, đặc trưng riêng; có sự kết nối chặt chẽ với các xã trong huyện và với các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại; có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt. Tạo điều kiện sắp xếp lại dân cư, tái cơ cấu nền kinh tế trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của đô thị, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của huyện Phú Riềng và của tỉnh Bình Phước.

- Tạo cơ sở huy động nguồn lực đầu tư xây dựng phát triển đô thị tập trung, đúng lộ trình, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan theo hướng hiện đại, văn minh, bền vững.

2. Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị

Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị Bù Nho là toàn bộ địa giới hành chính xã Bù Nho hiện hữu, với tổng diện tích tự nhiên là 3.961,86ha. Bao gồm 08 thôn (Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Phước, Tân Lục, Tân Long, Tân Bình, Tân Hòa, Tân Phú).

+ Phía Đông và Nam: Giáp xã Phước Tân và xã Phú Riềng.

+ Phía Tây: Giáp xã Long Hà và xã Long Tân.

+ Phía Bắc: Giáp xã Long Hưng và xã Bình Tân.



3. Các chỉ tiêu về phát triển đô thị:

(Có phụ lục các chỉ tiêu về phát triển đô thị kèm theo)

4. Danh mục các khu vực được xác định theo quy hoạch chung đô thị được duyệt

4.1. Khu vực 1: Khu đô thị hiện hữu mở rộng

- Diện tích khoảng 220 - 230ha; Là khu vực trung tâm hiện hữu của đô thị, khu ở cải tạo chỉnh trang là chính, tập trung phần lớn dân cư đô thị và các công trình hành chính, công cộng, giáo dục... cấp đô thị.

- Định hướng phát triển: Trên cơ sở cải tạo, chỉnh trang khu đô thị hiện hữu, mở rộng không gian phát triển đô thị về phía Bắc, với các không gian:

+ Hình thành các cụm công nghiệp chế biến gồm: Cụm công nghiệp Bù Nho quy mô diện tích 75ha; Cụm công nghiệp Bù Nho 1 quy mô diện tích 50,51ha.

+ Đầu tư các công trình công cộng như: Công viên cây xanh, trung tâm thể dục thể thao.

+ Không gian hành chính, công cộng: Trung tâm hành chính đô thị dọc đường ĐT.741 và ĐT.757.

+ Không gian ở: Dọc hai bên các trục giao thông chính (ĐT.741, ĐT.757, đường Long Tân - Bù Nho, các đường khu dân cư...) tổ chức hình thức ở dưới dạng nhà phố kết hợp thương mại dịch vụ. Các khu nhà liên kế mật độ trung bình được bố trí lùi vào bên trong.

+ Không gian cây xanh, không gian mở: Tổ chức công viên cây xanh tập trung phục vụ dân cư đô thị ở phía Tây UBND xã Bù Nho

4.2. Khu vực 2: Khu đô thị mới

- Diện tích khoảng 180 - 190ha; Là khu đô thị mới được đầu tư hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ hiện đại, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân với các công trình tiện ích công cộng và phúc lợi xã hội.

- Định hướng phát triển: Trên cơ sở cải tạo, chỉnh trang khu đô thị hiện hữu mở rộng đảm bảo xây dựng, hình thành nên các không gian công cộng - dịch vụ bố trí đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân gồm: trường học, y tế, dịch vụ, văn hóa - thể dục thể thao, bố trí công viên cây xanh tập trung phục vụ dân cư đô thị...

+ Không gian ở: Tổ chức hình thức ở dạng nhà phố kết hợp thương mại dịch vụ, nhà liên kế mật độ cao, nhà biệt thự mật độ thấp được bố trí lùi vào bên trong, nhà ở xã hội dạng chung cư.

+ Không gian cây xanh không gian mở: bố trí công viên cây xanh tập trung phục vụ dân cư đô thị.

+ Xây dựng khu đô thị mới (Khu dân cư Bù Nho) với quy mô hơn 98 ha về phía Nam của khu vực với hệ thống hạ tầng đồng bộ, có bố trí quỹ đất nhà ở xã hội phục vụ cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

4.3. Khu vực 3: Khu đô thị sinh thái

- Diện tích khoảng 170 - 180ha; Là khu đô thị sinh thái, kết hợp du lịch, dịch vụ công cộng cấp đô thị, phát triển hỗn hợp, khu ở chỉnh trang.

- Định hướng phát triển: Trên cơ sở cải tạo chỉnh trang các khu ở hiện hữu, xây dựng các khu ở mới mật độ cao ở phía Bắc và mật độ thấp xung quanh hồ Bàu Lách.

+ Hình thành nên các không gian công cộng và các trung tâm chuyên ngành: gồm dịch vụ công cộng, phát triển hỗn hợp dọc trục ĐT.741.

+ Không gian cây xanh không gian mở: Bố trí công viên cây xanh tập trung lấy hồ Bàu Lách làm điểm nhấn.

4.4. Khu vực 4: Khu đô thị Trung tâm hành chính huyện

- Diện tích khoảng 160 - 170ha; Là trung tâm hành chính - chính trị, trung tâm văn hóa - thể dục thể thao, trung tâm giáo dục đào tạo, trung tâm y tế cấp huyện. Dịch vụ công cộng cấp đô thị, khu ở tập trung mật độ cao và ở sinh thái nhà vườn.

- Định hướng phát triển: Trên cơ sở, những hạng mục công trình đã được xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng của khu trung tâm hành chính huyện hiện hữu, tiếp tục đầu tư xây dựng nhằm hoàn thiện khu trung tâm hành chính huyện theo quy hoạch chi tiết được duyệt với các khu không gian công cộng và các trung tâm chuyên ngành gắn với trục hành lang kinh tế ĐT.741.

+ Không gian ở: Trên cơ sở thực hiện cải tạo chỉnh trang các khu ở hiện hữu, tiếp tục quy hoạch xây dựng các khu ở mới mật độ cao, khu ở kết hợp thương mại dịch vụ, đan xen khu nhà ở sinh thái dạng vườn.

+ Không gian cây xanh không gian mở: bố trí công viên cây xanh kết hợp quảng trường trước trung tâm hành chính huyện, tổ chức công viên cây xanh dọc suối Rạt kết nối công viên hồ cảnh quan Bàu Lách.

4.5. Khu vực 5: Khu đô thị thương mại - dịch vụ

- Diện tích khoảng 280 - 290ha; Là trung tâm thương mại - dịch vụ cấp huyện, dịch vụ công cộng cấp đô thị, khu phát triển hỗn hợp, khu ở tập trung mật độ cao và khu ở mật độ thấp và công viên chuyên đề.

- Định hướng phát triển:

+ Không gian ở: Trên cơ sở thực hiện cải tạo chỉnh trang các khu ở hiện hữu, tiếp tục quy hoạch và xây dựng các khu ở mật độ cao kết hợp thương mại dịch vụ dọc ĐT.741, khu ở mật độ thấp khu vực hồ Vedan.



+ Không gian công cộng và các trung tâm chuyên ngành: Bố trí các trung tâm thương mại - dịch vụ, trung tâm y tế cấp huyện, dịch vụ công cộng cấp đô thị, các khu phát triển hỗn hợp.

+ Không gian sản xuất: Nhà máy chế biến bột mì Vedan.

+ Không gian cây xanh không gian mở: Bố trí công viên cây xanh chuyên đề, văn hóa - thể dục thể thao kết nối công viên ven suối giữa đô thị, kết nối cây xanh cảnh quan phía Nam và Đông Nam ven suối Rạt.

5. Các dự án đầu tư phát triển đô thị

5.1. Danh mục dự án hạ tầng xã hội

Đầu tư xây dựng trung tâm y tế trong khu trung tâm hành chính huyện.

5.2. Danh mục các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bù Nho 1.
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bù Nho.
- Đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng.
- Xây dựng đường đoạn từ đường ĐT 741 đến đường quy hoạch D6.
- Xây dựng đường đoạn từ ĐT 741 đến đường Bù Nho - Long Hưng.
- Xây dựng đường tránh phía Tây.
- Xây dựng đường tránh phía Đông.
- Xây dựng đường quy hoạch D1.
- Xây dựng đường đi xã Long Hưng đoạn từ đường N20 đến ranh đất xã Bù Nho.

5.3. Các dự án để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị

- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải số 1 khu trung tâm hiện hữu (công suất 2.000 m³/ng.đêm).
- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải số 2 khu trung tâm hành chính mới (công suất 1.500 m³/ng.đêm).
- Xây dựng trạm xử lý nước thải khu dân cư Bù Nho (công suất 1.200 m³/ng.đêm).

5.4. Danh mục dự án đầu tư cây xanh

- Xây dựng công viên cây xanh phía sau UBND xã Bù Nho.
- Xây dựng các công viên cây xanh trong khu Quy hoạch Khu dân cư Bù Nho.
- Xây dựng công viên cây xanh quanh Hồ Bàu Lách 1.



- Xây dựng công viên cây xanh quanh Hồ Bàu Lách 2.
- Xây dựng Công viên quảng trường trung tâm huyện Phú Riềng (giai đoạn 1).
- Xây dựng Công viên quảng trường trung tâm huyện Phú Riềng (giai đoạn 2).
- Xây dựng công viên dọc đường tránh phía Tây.
- Xây dựng công viên cây xanh khu TTHC (giữa đường D4 và D5).
- Xây dựng công viên hồ điều hòa.
- Xây dựng công viên cây xanh dọc suối (giữa đường N3 và đường N2).

5.5. Danh mục các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị

a) Khu đô thị hiện hữu

- Xây dựng đường quy hoạch N4.
 - Xây dựng đường quy hoạch N8 (tuyến tránh) đoạn từ đường Tránh phía Tây đến đường Tránh phía Đông.
 - Xây dựng đường quy hoạch N5.
 - Xây dựng đường quy hoạch D1.
 - Xây dựng đường quy hoạch D2.
 - Xây dựng đường Tân Hiệp 1B đoạn từ Đường quy hoạch N5 đến đường quy hoạch N4.
 - Xây dựng đường quy hoạch N3.
 - Xây dựng đường quy hoạch N1.
 - Xây dựng đường ĐT 757 đoạn từ ĐT741 đến ranh đất xã Bình Tân.
 - Xây dựng tuyến tránh ĐT 757 đoạn từ đường quy hoạch N8 đến ranh đất xã Long Hà.
 - Xây dựng đường quy hoạch N2 đoạn từ tuyến tránh ĐT 757 đến đường quy hoạch D3.
 - Xây dựng đường Tân Hiệp 2 kéo dài đoạn từ đường tránh phía Tây đến đường quy hoạch N2.
 - Xây dựng đường quy hoạch D4 đoạn qua xã Bù Nho.
 - Xây dựng đường quy hoạch D3.
 - Xây dựng đường Tân Hưng 2 đoạn qua xã Bù Nho.
- ##### b) Khu đô thị mới
- Xây dựng đường quy hoạch N7 đoạn từ đường tránh Phía Tây đến đường Tân Phước 1.
 - Xây dựng đường kết nối từ đường ĐT. 757 đến đường quy hoạch N7.



- Xây dựng các đường tuyến đường khu dân cư Bù Nho.
- Xây dựng đường Bù Nho - Minh Lập.
- Xây dựng đường quy hoạch D5 đoạn từ đường Tân Phước 1 đến ranh đất xã Bù Nho.

c) Khu đô thị sinh thái

- Xây dựng đường N8.
- Xây dựng đường quy hoạch N9.
- Xây dựng đường D10.
- Xây dựng đường kết nối từ ĐT 741 đến đường vòng quanh Hồ Bàu Lách.
- Xây dựng đường N11 đoạn từ đường tránh phía Tây đến đường vòng quanh hồ Bàu Lách.
- Xây dựng đường D6.
- Xây dựng đường tránh phía Đông.

d) Khu đô thị trung tâm hành chính huyện

- Xây dựng Đường N6 đoạn từ đường D4 đến ĐT. 741.
- Xây dựng Đường Tân Phú 1.
- Xây dựng Đường D7.
- Xây dựng Đường D3 đoạn từ đường Tân Phú 1 đến đường N3A.
- Xây dựng Đường D5.
- Xây dựng Đường N7 đoạn từ D6 đến ranh xã Bù Nho.
- Xây dựng Đường N5.
- Xây dựng Đường N4.
- Xây dựng Đường D4.
- Xây dựng Đường quy hoạch D6.
- Xây dựng Đường Tân Phú 10.
- Xây dựng đường kết nối đoạn từ đường D6 đến đường D1.

đ) Khu đô thị thương mại - dịch vụ

- Xây dựng Đường D5 giai đoạn 1 (từ đường N3 đến đường N3a).
- Xây dựng Đường D8.
- Xây dựng Đường D3 đoạn từ đường N3A đến đường N1.
- Xây dựng Đường D7 đoạn từ đường D2 đến đường D8.
- Xây dựng Đường D5 giai đoạn 2 (từ đường N3 đến đường Tân Hòa 3).
- Xây dựng Đường N3.



- Xây dựng Đường N2.
- Xây dựng đường Tân Hòa 3 giai đoạn 1 (đoạn từ đường Tân Bình - Tân Hòa đến đường tránh phía Tây).
- Xây dựng Đường N1.
- Xây dựng đường Tân Hòa 3 giai đoạn 2 (đoạn từ đường tránh phía Tây - Tân Hòa đến đường D1).
- Nâng cấp, mở rộng đường Tân Hòa 3 đoạn từ ĐT 741 đến đường Tân Bình - Tân Hòa.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Sở Xây dựng:

- Giám sát việc thực hiện các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn đô thị Bù Nho.
- Chủ trì đôn đốc, kiểm tra và báo cáo quá trình thực hiện cho UBND tỉnh.

6.2. Sở Tài chính:

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn đầu tư công cho các chương trình, dự án đầu tư theo quy định.
- Có kế hoạch phân bổ nguồn vốn để thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngành.

6.3. Sở Khoa học và Công nghệ, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước

Phối hợp với UBND huyện Phú Riềng trong việc công bố Chương trình phát triển đô thị Bù Nho.

6.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Phú Riềng và các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại các khu vực phát triển đô thị.

6.5. Công ty điện lực Bình Phước

Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Phú Riềng sớm có phương án đầu tư hệ thống cấp điện sinh hoạt trên một số tuyến đường trên địa bàn đô thị Bù Nho đã được UBND huyện triển khai đầu tư và đưa vào hoạt động nhưng chưa được đầu tư hệ thống cấp điện sinh hoạt.

6.6. UBND huyện Phú Riềng:

Nghiên cứu cụ thể hóa các hạng mục, công trình, dự án đầu tư trung hạn, ngắn hạn, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực, xem xét thứ tự ưu tiên, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Trong quá trình thực hiện phải thường xuyên đánh giá tiến độ thực hiện, cập nhật chủ trương, chính sách, quy định mới của Trung ương, tỉnh để kịp thời báo cáo, đề xuất bổ sung, điều chỉnh Chương trình nếu xét thấy cần thiết.



Đã làm

- Phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền quyết định ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của huyện nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị từ khu vực tư nhân.

- Căn cứ quy định của pháp luật, rà soát lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cho phù hợp với quy hoạch chung và điều kiện thực tế của huyện, đảm bảo có tính kết nối.

- Có giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, nhất là nguồn vốn ngoài ngân sách. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án, điều chỉnh nguồn vốn hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quy hoạch, giải phóng mặt bằng, đảm bảo tiến độ các dự án, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển đô thị Bù Nho.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Phú Riềng và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu VT.(Trung14)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Sơn



Phụ lục
Các chỉ tiêu về phát triển đô thị

Stt	Tên các tiêu chuẩn	Ngưỡng quy định (Đô thị loại V)	Hiện trạng 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040
A	Chỉ tiêu phát triển đô thị chính theo quy định của Thông tư 06/2023/TT-BXD										
1	Mật độ dân số toàn đô thị	1.000 - 1.200 người/km ²	420	441	509	577	645	713	781	911	1.042
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	3.000 - 4.000 người/km ²	3.988	3.599	3.644	3.679	3.708	3.731	3.750	3.378	3.439
3	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	%	10,2	11,9	13,5	15,2	16,9	18,5	20,2	23,1	26,1
4	Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị	26 - 28 m ² /người	22,18	23	24	25	26	27	28	30	32
5	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	6 - 8 m ² /người	6,01	6,62	7,77	8,64	9,33	9,89	10,35	16,65	24,01
6	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	11 - 16 %	19,39	19,89	22,13	23,88	25,28	26,43	27,39	28,80	31,07
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật khu vực nội thành, nội thị	10 - 15 %	7,3	7,5	8	8,5	9	9,5	10	15	20
B	Các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu và các tiêu chuẩn đạt nhưng ở mức thấp theo tiêu chuẩn phân loại đô thị tại thời điểm lập chương trình										
I	Các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu so với đô thị loại V										
1	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	Giường/ 10.000 dân	3	47	41	36	32	33	30	31	30
2	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	75% các phường thị	0	0	25	50	55	60	75	100	100



Stt	Tên các tiêu chuẩn	Ngưỡng quy định (Đô thị loại V)	Hiện trạng 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040
	hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	trần thực hiện tốt quy chế /100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế									
3	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	20 - 30 %	0	0	0	0	0	0	10	20	30
4	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia đặc biệt/ Có 01 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công trình xanh	Có 01 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận/Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	0	0	0	0	0	0	0	0	1
6	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	1 - 2 Khu	0	0	0	0	0	0	1	2	2
II	Các tiêu chuẩn đạt nhưng ở mức thấp so với đô thị loại V										
1	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	Tăng theo mục tiêu đề ra/ Tăng vượt so với	Tăng theo	Tăng theo mục	Tăng theo	Tăng theo	Tăng theo	Tăng theo	Tăng theo	Tăng theo	Tăng theo



Stt	Tên các tiêu chuẩn	Ngưỡng quy định (Đô thị loại V)	Hiện trạng 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040
		mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	mục tiêu đề ra	tiêu đề ra	mục tiêu đề ra	mục tiêu đề ra	mục tiêu đề ra	mục tiêu đề ra	mục tiêu đề ra	mục tiêu đề ra	mục tiêu đề ra
2	Dân số toàn đô thị	4.000 - 20.000 Người	16.111	16.917	19.533	22.150	24.767	27.383	30.000	35.000	40.000
3	Dân số khu vực nội thành, nội thị										
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	55 - 65 %	51,2	55	56	57	58	59	60	65	70
5	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị										
6	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (ĐH, CĐ, THPT, TH chuyên nghiệp và dạy nghề)	1 - 2 Cơ sở	1	1	1	1	1	1	1	2	2
7	Tỉ lệ vận tải hành khách công cộng	1 - 2 %	1	2	3	4	5	6	7	12	17
8	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	400 - 1.000 Kwh/ng/năm	733,45	777,88	822,3	866,73	911,15	955,58	1.000	1.100	1.200
9	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	80 - 90 %	56	60	64	68	72	76	80	85	90
10	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	70 - 80 số thuê bao/100 dân	62	65	67	69	71	73	75	80	85
11	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	60 - 100 %	85	86	87	88	89	90	91	95	100
12	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử	10 - 15 %	7,3	7,5	8	8,5	9	9,5	10	15	20



Stt	Tên các tiêu chuẩn	Ngưỡng quy định (Đô thị loại V)	Hiện trạng 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040
	lý đạt quy chuẩn kỹ thuật										
13	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	5 - 10 %	3,5	4	5	5,5	6	6,5	7	10	15
14	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	1 - 2 Dự án	1	2	2	2	2	2	2	3	3

